

● 136. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

A – MỤC TIÊU

Giúp HS : Luyện các quy tắc so sánh các số trong phạm vi 100 000.

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Củng cố quy tắc so sánh các số trong phạm vi 100 000

a) – GV viết lên bảng : 999 ... 1012 rồi yêu cầu HS so sánh (điền dấu $>$, $<$, $=$).

– HS nhận xét : 999 có số chữ số ít hơn số chữ số của 1012 nên $999 < 1012$.

b) – GV viết 9790 ... 9786 và yêu cầu HS so sánh hai số này.

– HS nhận xét :+ Hai số cùng có bốn chữ số.

+ Ta so sánh từng cặp chữ số cùng hàng từ trái sang phải :

• Chữ số hàng nghìn đều là 9 ;

• Chữ số hàng trăm đều là 7 ;

• Ở hàng chục có $9 > 8$.

Vậy : $9790 > 9786$

c) – GV cho HS làm tiếp : 3772 ... 3605

4597 ... 5974

8513 ... 8502

655 ... 1032

– HS nhận xét và một em lên bảng điền các dấu " $>$; $<$; $=$ ".

230

Bài 4 : – GV cho HS đọc bài toán phần a), sau đó thống nhất cách làm : Chọn số bé nhất (viết ở vị trí đầu tiên), sau đó trong các số còn lại ta lại chọn số bé nhất (viết ở vị trí thứ hai)... cứ như thế đến hết.

– GV cho HS tự làm bài, 1 HS lên bảng viết kết quả :

8258 ; 16 999 ; 30 620 ; 31 855.

– GV cho HS tự làm như vậy với phần b). Kết quả là :

76 253 ; 65 372 ; 56 372 ; 56 327.

Nếu còn thời gian, GV viết các bài tập về so sánh các số trong phạm vi 100 000 lên bảng (điền dấu $>$, $<$, $=$). HS tự làm. Cả lớp thống nhất kết quả.

2. Luyện tập so sánh các số trong phạm vi 100 000

a) – So sánh 100 000 và 99 999

GV viết lên bảng rồi hướng dẫn HS nhận xét :

+ Đếm số chữ số của 100 000 và 99 999

100 000 có sáu chữ số

99 999 có năm chữ số

+ 100 000 có số chữ số nhiều hơn

Vậy : $100\ 000 > 99\ 999$.

Ta cũng có $99\ 999 < 100\ 000$.

– GV cho HS so sánh : 937 và 20 351

97 366 và 100 000

98 087 và 9999

HS đếm số chữ số trong từng cặp số cần so sánh và rút ra kết luận.

b) – So sánh các số có cùng số chữ số :

GV nêu ví dụ trong SGK : so sánh 76 200 và 76 199 rồi hướng dẫn HS :

+ Nhận xét : hai số cùng có năm chữ số.

+ So sánh các cặp chữ số cùng hàng, từ trái sang phải :

• Hàng chục nghìn : $7 = 7$;

• Hàng nghìn : $6 = 6$;

• Hàng trăm : $2 > 1$.

Vậy : $76\ 200 > 76\ 199$.

– GV cho HS so sánh tiếp :

73 250 và 71 699

93 273 và 93 267.

3. Thực hành

Bài 1 : GV cho HS tự làm bài, sau đó cả lớp thống nhất kết quả (một vài HS đọc kết quả và nêu lí do).

Bài 2 : GV cho HS tự làm tiếp bài, rồi cả lớp kiểm tra kết quả.

Bài 3 : a) GV cho HS làm bài, sau đó gọi một vài HS nêu kết quả. Chẳng hạn : Số lớn nhất là 92 368.

b) Tương tự phần a). Kết quả : Số bé nhất là 54 307.